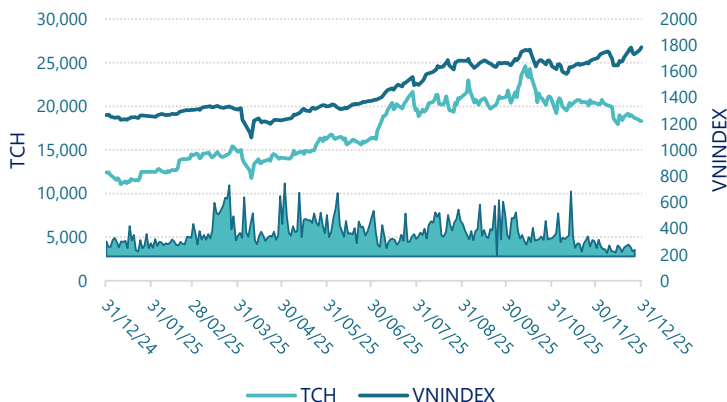




CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HSX: TCH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,619
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,075
SL cổ phiếu LH	912,109,224
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,717,000
% sở hữu nước ngoài	10.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,692
P/E	52.5
EPS	349

DT thuần

Q4/25

317

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.0| -8.4%

YoY: ▼1,244| -79.7%

LN sau thuế

Q4/25

51.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.90| -8.7%

YoY: ▼329| -86.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

28.0%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

2025

1,912

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,515| -64.8%

LN sau thuế

2025

419

tỷ VNĐ

YoY: ▼964| -69.7%

ROE

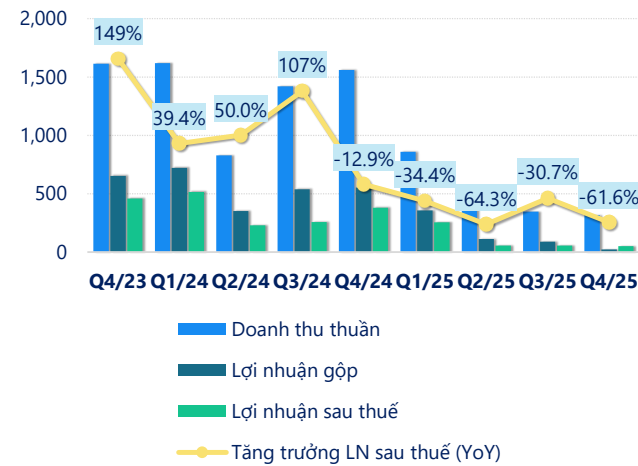
2025

2.3%

+/- YoY: ▼ 5.5%

tỷ VNĐ

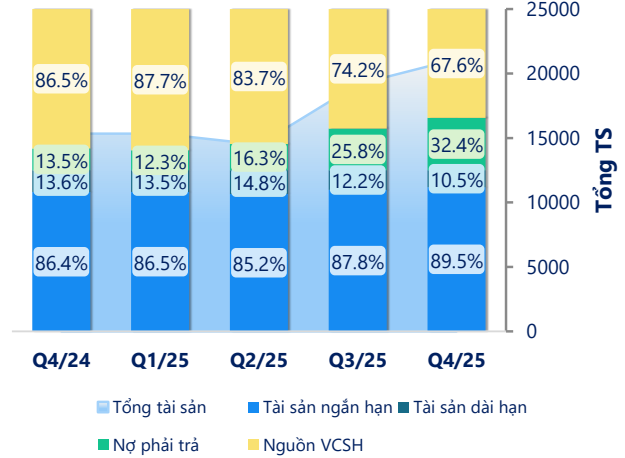
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

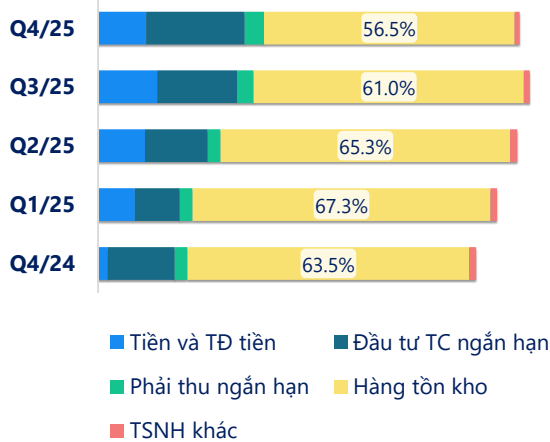
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



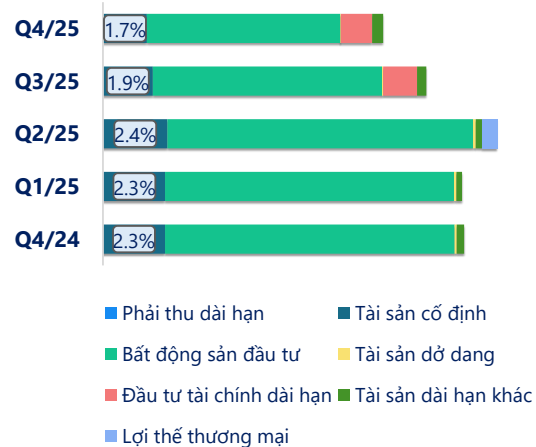
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

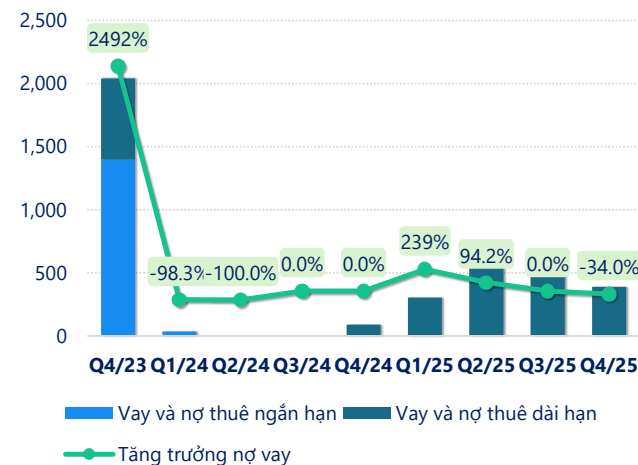
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

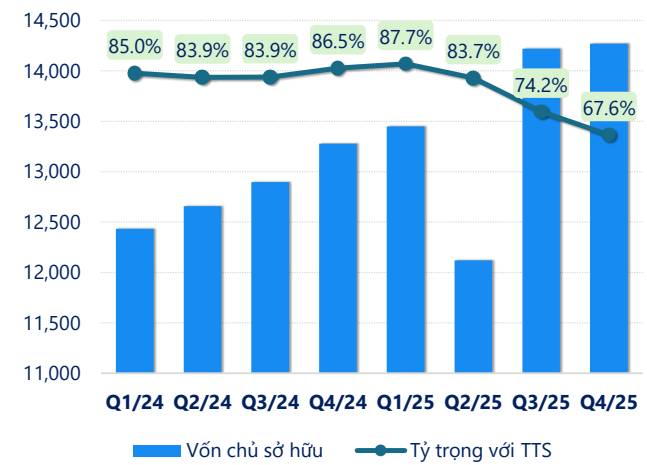
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

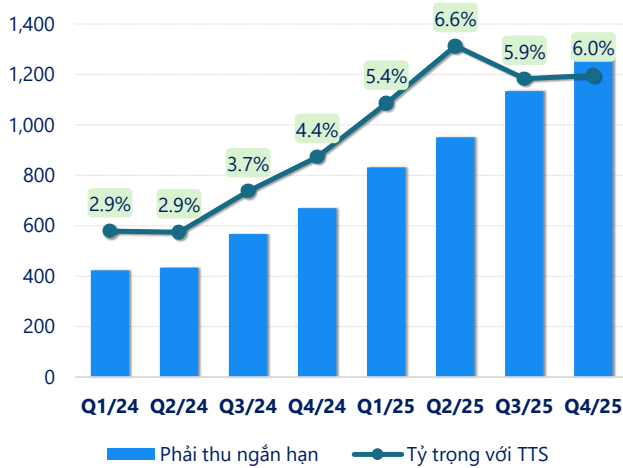
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



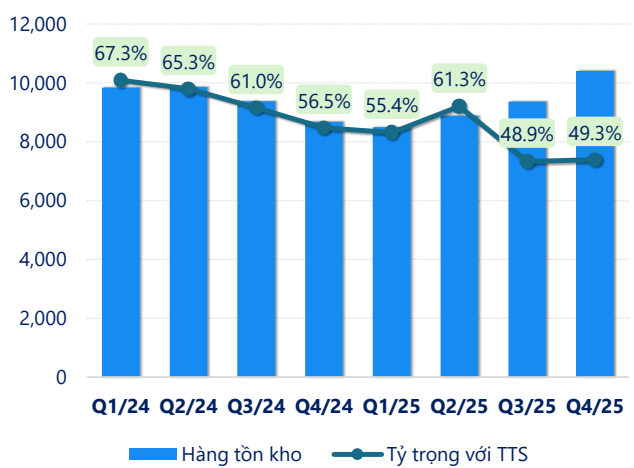
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


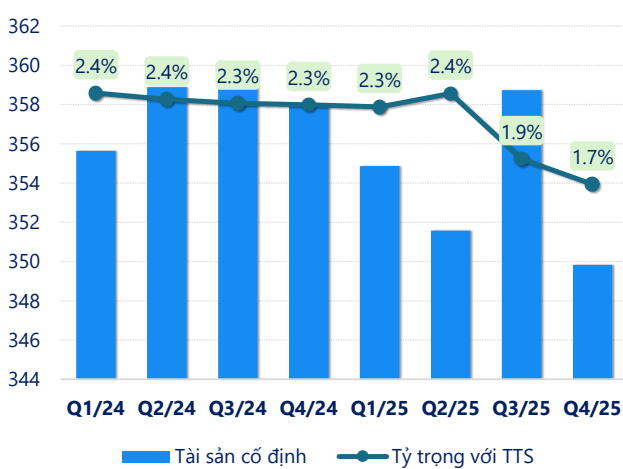
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


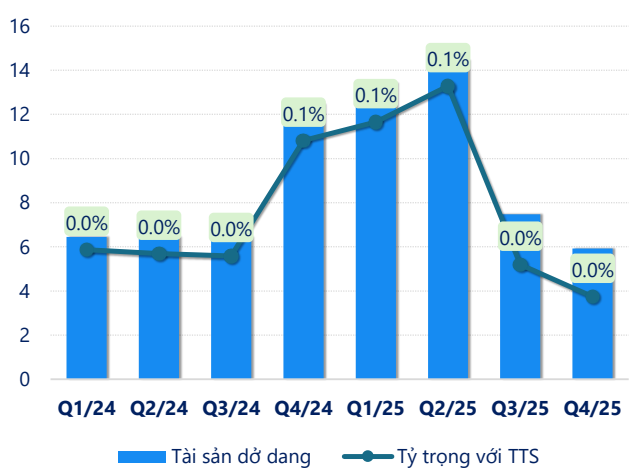
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

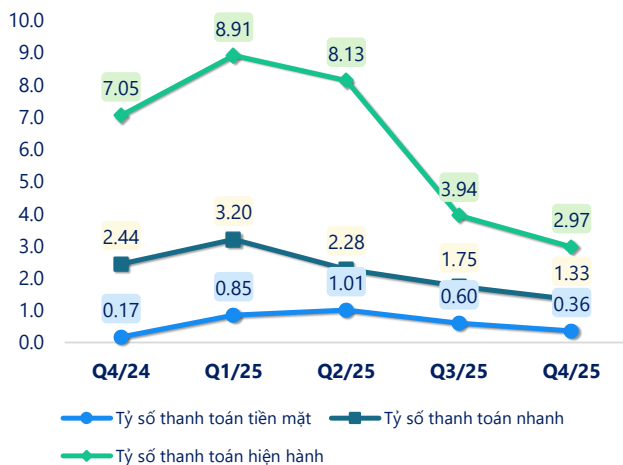
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

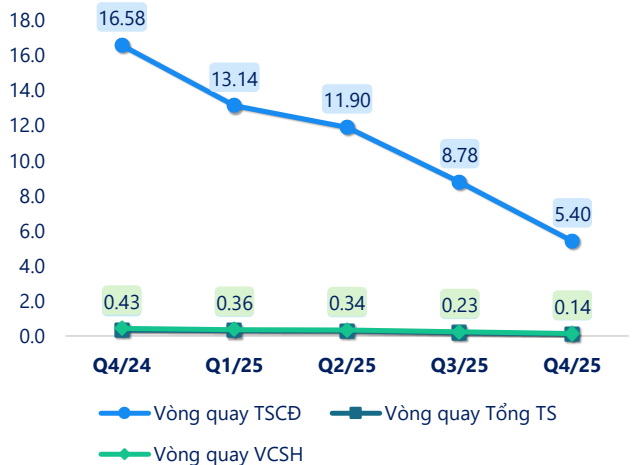
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	15,349	15,332	14,480	19,168	21,121
Tài sản ngắn hạn	13,264	13,261	12,333	16,837	18,894
Tiền và tương đương tiền	324	1,268	1,528	2,560	2,293
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,413	2,470	759	3,524	4,579
Phải thu ngắn hạn	670	832	951	1,134	1,263
Hàng tồn kho	8,676	8,498	8,878	9,365	10,403
Tài sản ngắn hạn khác	181	193	217	253	356
Tài sản dài hạn	2,084	2,071	2,147	2,332	2,227
Phải thu dài hạn	0.12	3.89	0.12	0	0
Tài sản cố định	358	355	352	359	350
Bất động sản đầu tư	1,672	1,666	1,664	1,654	1,536
Tài sản dở dang	12.5	13.4	14.4	7.47	5.93
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	244	248
Tài sản dài hạn khác	42.1	32.7	35.1	67.3	87.5
Lợi thế thương mại	0	0	81.8	0	0
Nợ phải trả	2,072	1,883	2,360	4,949	6,850
Nợ ngắn hạn	1,880	1,488	1,517	4,272	6,369
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.05	2.10	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	748	663	526	626	593
Nợ dài hạn	191	395	843	677	482
Vay và nợ thuê dài hạn	89.7	303	589	591	390
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,277	13,449	12,119	14,219	14,271
Vốn chủ sở hữu	13,277	13,449	12,119	14,219	14,271
Vốn điều lệ	6,682	6,682	6,682	8,687	9,121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)